

CHƯƠNG IV PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ

I. KHÁI NIỆM PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ

Phát triển vốn từ cho trẻ là giúp trẻ nắm được nhiều từ, hiểu nghĩa của từ và biết sử dụng từ trong các tình huống trong giao tiếp.

Quá trình hình thành, củng cố và tích cực hoá vốn từ phải liên quan chặt chẽ với quá trình nhận thức của trẻ để hình thành cho trẻ biểu tượng về thế giới xung quanh. Bởi vì từ là một thể thống nhất giữa âm thanh và nội dung ý nghĩa. Cô giáo không phải cung cấp từ qua âm thanh (rõng) mà cung cấp cho trẻ những biểu tượng từ - khái niệm.

Để làm được tốt công việc đó phải cho trẻ chơi trực tiếp với đồ vật, đồ chơi tự nhiên và các hoạt động thực tiễn xung quanh trẻ.

Ví dụ: Quả cam: tròn vàng (xanh), vỏ sần sùi, có múi tếp, hạt trắng.

II. ĐẶC ĐIỂM VỐN TỪ CỦA TRẺ

1. *Vốn từ xét về mặt số lượng*

Từ 12 tháng trở đi, bên cạnh các âm bập bẹ xuất hiện các từ chủ động đầu tiên. ở 18 tháng tuổi, số lượng từ bình quân là 11 từ, cháu ít nhất là 0 từ, nhiều nhất là 25 từ (trường hợp đặc biệt có đến 45 từ) trẻ bắt chước người lớn lặp lại một số từ đơn giản gần gũi: *mẹ, bố, bà...* Từ 19-21 tháng, số lượng từ tăng nhanh. Đến 21 tháng trẻ đạt tới 220 từ. Giai đoạn 21- 24 tháng, tốc độ chậm lại, chỉ đạt 234 từ vào tháng 24, sau đó lại tăng tốc: 30 tháng đạt 434 từ, 36 tháng đạt 486 từ.

Đến năm thứ ba, trẻ đã sử dụng trên 500 từ, phần lớn là danh từ, động từ và tính từ và các loại khác rất ít. Danh từ chỉ đồ dùng đồ chơi, đồ dùng quen thuộc gần gũi như: *mèo, chó, chim...* Động từ chỉ hoạt động gần gũi của cháu với những người xung quanh.

Trẻ 4 tuổi có thể nắm xấp xỉ 700 từ. Ưu thế vẫn thuộc về danh từ, động từ. Hầu hết các loại từ xuất hiện trong vốn từ của trẻ.

Từ 5-6 tuổi vốn từ của trẻ tăng bình quân đến 1030 từ, tính từ và từ loại khác chiếm tỷ lệ cao hơn.

Tốc độ tăng vốn từ ở các độ tuổi khác nhau, chậm dần theo độ tuổi: cuối 3 tuổi so với đầu 3 tuổi vốn từ tăng nhanh vốn từ tăng 10,7%; cuối 4 tuổi so với đầu 4 tuổi vốn từ tăng 40,58%, cuối 5 tuổi so với đầu 5 tuổi vốn từ tăng chỉ 10,40%, cuối 6 tuổi so với đầu 6 tuổi cũng chỉ tăng 10,01%.

Chúng ta có thể nhận ra quy luật tăng số lượng từ của trẻ như sau:

- Số lượng từ của trẻ tăng theo thời gian.
- Sự tăng tốc độ không đồng đều, có giai đoạn tăng nhanh, có giai đoạn tăng chậm.

- Trong năm thứ ba tốc độ tăng nhanh nhất.
- Từ 3- 6 tuổi tốc độ tăng vốn từ giảm dần.

2. Cơ cấu vốn từ xét về mặt từ loại

Cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ là một tiêu chí để đánh giá chất lượng vốn từ. Tiếng Việt có 9 từ loại: Danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ, quan hệ từ, tình thái từ, trợ từ. Số lượng từ loại càng nhiều bao nhiêu thì càng tạo điều kiện cho trẻ diễn đạt thuận lợi bấy nhiêu. Các từ loại xuất hiện dần dần trong vốn từ của trẻ. Ban đầu chủ yếu là danh từ, sau đó là động từ và tính từ, các loại từ khác xuất hiện muộn hơn.

Đến 3- 4 tuổi, về cơ bản vốn từ của trẻ đã có đủ các loại từ. Tuy nhiên tỷ lệ danh từ và động từ cao hơn nhiều so với các loại khác: danh từ chiếm 38%, động từ chiếm 32%, còn lại là tính từ 6,8%, đại từ 3,1%, phụ từ 7,8%, tình thái từ 4,7%, và số từ còn xuất hiện ít (số từ 2,5 %, quan hệ từ 1,7%).

Giai đoạn 5- 6 tuổi cũng là giai đoạn hoàn thiện một bước cơ cấu từ loại trong vốn từ của trẻ. Tỷ lệ danh từ, động từ giảm đi (chỉ còn khoảng 50%) nhường chỗ cho tính từ và các loại từ khác tăng lên: tính từ đạt tới 15%.

3. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ mẫu giáo

a. Khả năng hiểu nghĩa từ của trẻ mẫu giáo

Theo Fedorendo (Nga), ở trẻ em có 5 mức độ hiểu nghĩa khái quát của từ như sau:

+ Mức độ Zêro (mức độ chưa có sự khái quát): mỗi sự vật có tên gọi gắn với nó. Trẻ hiểu được ý nghĩa gọi tên này: *mẹ, bố, bàn, bát...*

+ Mức độ 1: ý nghĩa biểu niệm ở mức độ thấp, tên gọi chung của các sự vật cùng loại: *búp bê, bóng, cốc, nhà...*

+ Mức độ 2: Khái quát hơn: *quả* (quả cam), xe (xe đạp, xe ô tô), con (con gà, con chó).

+ Mức độ 3: ở mức độ cao hơn mà trẻ 5-6 tuổi có thể nắm được: *các phương tiện giao thông* (ô tô, tàu thủy, máy bay...); *đồ vật* (đồ chơi, đồ nấu ăn, đồ dùng học tập).

+ Mức độ 4: Khái quát tối đa, gồm những khái niệm trừu tượng: số lượng, chất lượng, hành động...

Đối với trẻ em lứa tuổi mầm non, khi ở tuổi nhà trẻ, trẻ hiểu được nghĩa biểu danh (mức độ zêro và mức độ 1). Mức độ 2 và mức độ 3 chỉ dành cho trẻ mẫu giáo, đặc biệt là mẫu giáo lớn.

b. Đặc điểm lĩnh hội vốn từ của trẻ mẫu giáo

Khi còn bé, những đồ vật hiện tượng xung quanh trẻ cũng như tên gọi của chúng chỉ thu hút sự chú ý của trẻ khi mà người lớn cho trẻ tiếp xúc trực tiếp với chúng. Trẻ sờ mó, nghe, cầm, nắm...

Ngay cả khi trẻ được 2 tuổi, trẻ cũng rất khó nhớ tên đồ vật nếu được nhìn mà không được tiếp xúc với nó. Từ mà trẻ sử dụng như là tên gọi riêng của từng

đồ vật cụ thể, cần được củng cố, rèn luyện dần dần mà trẻ có thể sử dụng được như là một từ có ý nghĩa khái quát chung. M.M. Kosoba- một nhà sư phạm Nga đã quan sát quá trình hiểu nghĩa khái quát của từ của trẻ từ 12- 15 tháng. Với một nhóm trẻ, với quyển sách người ta tổ chức cho trẻ hành động 20 lần kèm theo từ “*sách*” (*Hãy cầm quyển sách, hãy đặt sách xuống đây...*). Còn với nhóm trẻ thứ hai thì người ta chỉ nói: Đây là quyển sách và cho trẻ nhìn vào 20 quyển sách khác nhau mà không cho trẻ hành động với chúng. Kết quả là ở nhóm trẻ thứ nhất, từ “*sách*” trở thành từ có ý nghĩa khái quát, với nhóm trẻ thứ hai thì không có được kết quả như vậy.

E.I.Tikhiva đã nói: Trong sự phát triển ngôn ngữ trẻ em, các giác quan đóng vai trò quan trọng bậc nhất. Tri giác vật thể là hoạt động chính của trí tuệ trẻ em. Sự phát triển ngôn ngữ và cảm giác trẻ em liên hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy không nên tách rời công tác giáo dục ngôn ngữ với việc giáo dục cảm giác và tri giác.

Nhiệm vụ của trường mầm non là phải dạy trẻ hiểu được nghĩa chung của từ trên cơ sở tri giác trực tiếp với sự vật hiện tượng cụ thể.

Quá trình lĩnh hội từ của tiếng mẹ đẻ được diễn ra cùng lúc với việc trẻ tìm hiểu vật phù hợp với từ đó. Trẻ xem xét vật, sờ mó vuốt ve, lắng nghe, ngửi vật mà trẻ quan tâm đến trẻ sẽ đi vào nhận thức của trẻ qua các giác quan. Sự nhận thức cảm tính này sẽ phát triển những xúc cảm tương ứng kèm theo (thích, không thích...). Sau đó sự nhận thức cảm tính này cùng với từ sẽ được củng cố trong trí nhớ của trẻ như là một biểu tượng về vật. Khi nghe từ gọi vật đó trước hết sẽ gọi lên ở trẻ tất cả những xúc cảm, cảm giác mà trẻ đã trải qua khi tiếp xúc với vật.

Sau khi trẻ đã thu nhận cơ sở cảm xúc của từ, trẻ sẽ có khả năng hiểu nghĩa của từ. Chính vì vậy việc làm giàu vốn từ cho trẻ cần phải được tổ chức trong quá trình cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, trong sinh hoạt xã hội, lao động của con người.

III. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ

Để phát triển vốn từ cho trẻ từ 0- 6 tuổi cô giáo cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Làm giàu vốn từ cho trẻ

Làm giàu vốn từ cho trẻ là làm phong phú vốn từ cho trẻ, giúp trẻ làm quen với từ mới thông qua việc tổ chức hướng dẫn làm quen với thế giới xung quanh có chủ động.

Như vậy ở giai đoạn đầu ta cần cung cấp cho trẻ những từ ngữ mang ý nghĩa cụ thể như các đồ vật trong gia đình, các con vật nuôi gần gũi, tên gọi người thân trong gia đình. Ví dụ: *cô chú, bố, mẹ, cây, hoa, chuối, cam, lợn, mèo...* Các động từ biểu thị hành động, trạng thái của con người hay con vật.

Ví dụ: *đi, chạy, nói, hát, nằm, ngủ...* Các tính từ chỉ đặc điểm bên ngoài của sự vật. Ví dụ: *to, nhỏ, đẹp, xấu...*

ở giai đoạn sau ta cung cấp cho trẻ những từ mang ý nghĩa khái quát hơn (mức độ khái quát thứ hai, thứ ba), các từ láy âm, các tượng thanh, tượng hình có tác dụng làm cho người nghe hình dung được tiếng động, hình dáng của vật và làm quen với các từ ghép chính phụ ...

Khó khăn lớn đối với trẻ là những từ chỉ số lượng, những từ trừu tượng...

Đối với trẻ mẫu giáo nhỏ và mẫu giáo lớn cần cho trẻ biết một từ có thể mang nhiều nghĩa. Trên cơ sở nghĩa vốn có, có thể phát triển thêm nhiều nghĩa mới của từ.

Như vậy việc làm giàu vốn từ có ý nghĩa khái quát trừu tượng phải gắn liền với việc quan sát phân loại sự vật hiện tượng, hình ảnh trực quan cụ thể.

Ví dụ: - *Bạn Hoa đã đánh đổ nước ra bàn như thế là bạn ấy chưa cẩn thận.*

- *Bạn Dũng rất dũng cảm, ngã đau mà bạn ấy không khóc.*

2. Củng cố, chính xác hoá vốn từ cho trẻ

Củng cố, chính xác hoá vốn từ cho trẻ là giúp cho trẻ hiểu, nắm được ý nghĩa của từ trên cơ sở đối chiếu chính xác chúng với các đồ vật xung quanh; giúp trẻ lĩnh hội ý nghĩa của từ trên cơ sở phân biệt được những dấu hiệu đặc trưng của sự vật hiện tượng; thâm nhập vào thế giới hình tượng của lời nói và biết cách sử dụng chúng.

Củng cố vốn từ đặt ra yêu cầu cao đối với trẻ, trẻ phải hiểu nghĩa từ và nhớ từ để sử dụng từ một cách phù hợp.

Để hiểu từ, nhận thức của trẻ không chỉ dừng lại ở mức độ cảm giác về sự vật hiện tượng xung quanh mà các sự vật này phải trở thành biểu tượng. Như vậy trẻ phải quan sát tỉ mỉ và phải được nghe lời giảng giải của người lớn hay cô giáo để hiểu rõ nghĩa của từ.

Ví dụ: *Chảy máu cam là chảy máu mũi.*

Chạy một mạch là chạy không dừng lại.

Quá trình này kéo dài suốt lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ sẽ dần dần nắm được tính đa nghĩa của từ, nghĩa chính, nghĩa phụ, các lớp từ đồng nghĩa với những sắc thái tình cảm khác nhau, những từ biểu hiện khái niệm thời gian, không gian... Và cũng cần nhắc lại nhiều lần ý nghĩa của từ để củng cố vững chắc vốn từ cho trẻ.

3. Tích cực hoá vốn từ cho trẻ

Tích cực hoá vốn từ cho trẻ là giúp trẻ biết lựa chọn từ để sử dụng một cách chính xác, biểu cảm làm cho ngôn ngữ của trẻ mang sắc thái tu từ cũng như giúp trẻ biết sử dụng các phương tiện diễn cảm của từ.

Ví dụ: *Tắm – rửa*

(Tắm là quá trình cọ rửa toàn thân. Rửa chỉ là một hành động của tắm).

Giáo viên cần giúp trẻ biết lựa chọn từ ngữ để sử dụng một cách chính xác. Trẻ không những còn hiểu mà còn biết sử dụng từ một cách thành thạo. Từ ngữ của trẻ bình thường không phải là ít nhưng trẻ phải biết sử dụng các vốn từ ngữ này khi cần thiết. Cần phải giúp trẻ có một trí nhớ tốt linh hoạt để tìm ra những từ

cần thiết cho sự diễn đạt. Tích cực hoá vốn từ giúp trẻ vận dụng từ ngữ thụ động chuyển sang chủ động.

Trong quá trình tích cực hoá vốn từ cho trẻ, cô giáo giúp cho trẻ hiểu một số biện pháp tu từ. Những biện pháp tu từ, đặc biệt là so sánh và nhân cách hoá, trẻ có thể tiếp thu và sử dụng từ ngữ một cách hồn nhiên:

*Một đoàn máy bay Mỹ
Như một bầy quạ đen.*

(Hoan hô chú bộ đội)

Hay: *Trăng tròn như mắt cá.*

Tóm lại: Ba nhiệm vụ của công tác phát triển vốn từ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhiệm vụ này được tiến hành trên cơ sở nhiệm vụ kia. Nếu không làm giàu vốn từ cho trẻ thì trẻ không thể lựa chọn và sử dụng một cách linh hoạt trong mọi hoàn cảnh giao tiếp.

IV. NỘI DUNG VỐN TỪ CẦN CUNG CẤP CHO TRẺ THEO ĐỘ TUỔI

1. Các nguyên tắc cung cấp vốn từ cho trẻ

Trên cơ sở đặc điểm tư duy của trẻ, việc làm giàu vốn từ cho trẻ cần tiến hành theo các nguyên tắc sau:

- Việc mở rộng vốn từ phải gắn liền với việc tích cực cho trẻ tìm hiểu môi trường xung quanh, sử dụng trực tiếp các giác quan để cảm nhận sự vật.

- Việc mở rộng vốn từ phải được tiến hành từ dễ đến khó, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng.

2. Nội dung vốn từ cần cung cấp cho trẻ theo độ tuổi

a. Trẻ 0-1 tuổi

Dạy trẻ tên gọi một vài sự vật, hành động gần gũi, quen thuộc đối với trẻ.

Ví dụ: *bà, bố, mẹ, đi, gà, ăn (măm), chào (a)..*

Đến cuối năm thứ nhất, dạy trẻ cùng một lúc nhận ra 2 đồ vật quen thuộc có hình dáng khác hẳn nhau, để ở vị trí khác nhau. Dạy trẻ biết tên mình, một vài tên bạn trong nhóm. Dạy trẻ biết một làm một số động tác: đứng lên, ngồi xuống, bắt tay, vỗ tay...

2. Trẻ 1-2 tuổi

a. Trẻ 12 - 18 tháng

Dạy trẻ tên gọi một số đồ dùng đồ chơi, đồ dùng quen thuộc gần gũi với trẻ (*ô tô, em bé, gà, thỏ, bát thìa, cốc, áo, dép...*), biết tên gọi một số bộ phận mình, cơ thể búp bê và các con vật (*mắt, mồm, tay, chân...*)

Tiếp tục dạy trẻ biết tên gọi của mình, của một số bạn bè trong lớp, biết thực hiện một số yêu cầu của cô (*nhìn, đi, ngồi, nằm, ăn, đưa, lấy...*), biết một số hành động thường gặp (*đi, nằm, ăn, nhìn...*).

b. Trẻ 18-24 tháng

Dạy trẻ biết tên gọi của các sự vật mà trẻ tiếp xúc, hoạt động hàng ngày theo các chủ đề khác nhau.

Ví dụ: Về áo quần: *áo, quần...*
Về đồ dùng để ăn uống: *bát thìa, cốc chén...*
Về đồ chơi: *ô tô, búp bê, em bé...*

Dạy trẻ biết tên gọi của một số hành động với các đồ vật mà trẻ sử dụng hàng ngày.

Ví dụ: *Bé em bé (búp bê), ru bé ngủ.*
Xúc cháo (cháo)
Mặc áo (quần)
Đội mũ

Tiếp tục dạy trẻ tên gọi của các bộ phận của một số động vật. Dạy trẻ tên gọi của một số màu sắc (*xanh, đỏ, vàng*), tên gọi kích thước (*to, nhỏ, bé*) của một số đồ vật.

Dạy trẻ biết tên gọi của một số công việc của cô giáo (*chơi với cháu, cho cháu ăn, hát, múa...*).

c. Trẻ 2-3 tuổi

Tiếp tục mở rộng sự hiểu biết của trẻ về các sự vật hiện tượng gần gũi trẻ nhìn thấy trên đường phố, công viên và những nơi trẻ đi qua.

Dạy trẻ hiểu sâu hơn về các sự vật: biết tên gọi các phần chi tiết, biến dạng kích thước, màu sắc, mùi vị, đặc điểm và tính chất của vật.

Dạy trẻ phân biệt các nhóm đồ vật và biết khái quát bằng 1 từ, không phụ thuộc vào màu sắc, kích thước.

Dạy trẻ biết tên nhà trường mầm non, biết tên cô giáo trong lớp và tên bố mẹ, địa chỉ gia đình.

Dạy trẻ những từ biểu thị công việc của cô giáo, bác sĩ và bác cấp dưỡng.

d. Trẻ 3 - 4 tuổi

Gọi tên chính xác các đồ dùng ăn uống, các phương tiện giao thông khác nhau đã quen thuộc với trẻ.

Trong những từ biểu thị tính chất, đặc điểm của sự vật, phân biệt các phần, chi tiết của vật và kích thước của chúng (ví dụ: *to hơn, nhỏ hơn, rộng hơn, dài hơn, ngắn hơn...*).

Dạy trẻ phân biệt mối quan hệ không gian, thời gian, các buổi trong ngày (ví dụ: *sáng, chiều, tối, trước, sau, phải trái...*).

Mở rộng vốn từ biểu thị tên gọi về màu sắc, hình dáng, mùi vị của các con vật, đồ vật với những từ biểu thị tính chất (*nhẹ, nặng, nóng, lạnh, mượt...*), đặc điểm (*dễ gãy, dễ vỡ, dễ đứt...*).

Dạy trẻ biết phân biệt một số từ biểu thị đồ vật quen thuộc theo dấu hiệu đặc trưng, trên cơ sở nắm vững những từ khái quát biểu thị những đồ vật.

Ví dụ: *Ghế (ghế con, ghế đầu, ghế nhựa...)*

Thìa (to, nhỏ, nhôm, nhựa...)

Giày (to, nhỏ, vải, da...)

Làm quen với các nghề nghiệp: cô giáo, hiệu trưởng, người bán hàng, công nhân xây dựng... và đưa vào những từ chỉ tính chất của lao động (ví dụ: *làm việc nhanh, cẩn thận, đoàn kết, vui vẻ...*).

e. Trẻ 4 - 5 tuổi

Đưa vào vốn từ chủ động của trẻ tên gọi tất cả các sự vật mà trẻ được tiếp xúc trong cuộc sống, những từ biểu thị khái niệm (rau, quả, quần áo, đồ chơi, đồ dùng ăn uống) trên cơ sở phân tích, tổng hợp những đặc điểm đặc trưng.

Làm quen với nghề nghiệp của bố mẹ, chú lái xe...Đưa vào các từ biểu thị tính chất hoạt động, biểu thị quan hệ của con người lao động, những từ biểu thị tên gọi dụng cụ lao động (*cuốc, xẻng, cày, dao...*).

Đưa vào vốn từ của trẻ những từ mang tính chất văn học, những từ tượng hình, tượng thanh, từ đồng nghĩa, trái nghĩa đơn giản.

g. Trẻ 5 - 6 tuổi

Tiếp tục đưa vào vốn từ của trẻ những từ biểu thị đặc điểm, tính chất, biểu thị mức độ, tính chất của sự vật (*đỏ thẫm, đỏ đỏ, xanh thẫm, xanh lá cây, hơi chua, chua loét...*)

Tiếp tục tăng cường những từ biểu thị nghề nghiệp, thái độ của con người trong lao động (*cẩn thận, thích thú, biết làm, cố gắng...*), những từ văn học ...

V. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ

*** Một số điều cần lưu ý:**

- Đối với những từ mới và từ khó, giáo viên cần phát âm to và rõ ràng để trẻ dễ tiếp thu; cần lắng nghe các cháu nhắc lại từng từ và nếu cần thì sửa lỗi ngay.

- Dạy trẻ cần phải kèm theo với cho trẻ xem vật thật hoặc đủ dùng, tranh minh họa.

- Đặt từ mới trong câu trúc câu (ngữ cảnh) để trẻ thấy được sự liên hệ của các từ ấy với các từ khác.

1. Nhóm phương pháp trực quan

a. Hướng dẫn trẻ quan sát

Dạy trẻ quan sát là dạy trẻ biết xem xét, phân tích, so sánh để tìm ra những đặc điểm, thuộc tính của đối tượng quan sát, và về các mối quan hệ của nó với môi trường xung quanh. Trong quá trình quan sát các giác quan được huy động (tai nghe, mắt nhìn, tay sờ mó...)

Hướng dẫn trẻ quan sát là quá trình có mục đích, có kế hoạch, thứ tự đi từ phân tích mặt này đến sự phân tích mặt kia, vừa đưa ra từ mới vừa củng cố từ cũ.

Ví dụ: quan sát xe ô tô tải, hướng dẫn trẻ nhìn tổng thể có các bộ phận: buồng lái, thùng xe, các bánh xe. Đi vào quan sát buồng lái trước – thùng xe – gầm xe (bao gồm các bánh xe)...

*** Chuẩn bị cho trẻ quan sát:**

+ Chọn đối tượng phù hợp: Với trẻ thì cần chọn đối tượng phải đẹp, hấp dẫn lôi cuốn sự chú ý.

+ Chọn những kiến thức cần thiết: xe tải to, nặng (có cả xe tải nhỏ và xe tải to), để chở đồ đạc, hành lý...

+ Chọn các từ ngữ phù hợp (những từ mới cần cung cấp, những từ khó cần giải thích...).

+ Chọn những bài hát, trò chơi để tăng sự hấp dẫn cho hoạt động.

**Tổ chức quan sát:*

+ Bắt đầu bằng một số bài thơ, câu đố, bài hát phù hợp.

+ Bắt đầu quan sát, cô cho trẻ các cháu tự do trao đổi những nhận xét đầu tiên và lắng nghe, chú ý đến vốn từ của trẻ được sử dụng như thế nào.

+ Cô tiên hành hướng dẫn sự quan sát của trẻ theo mục đích đã đặt ra.

Ví dụ: Khi đi thăm công viên cô dự kiến nội dung quan sát là: công, đường đi, cầu, hồ, các tượng đài...

Tri giác của trẻ cần gắn liền với các từ ngữ (cô đã chuẩn bị đã chuẩn bị trước)...Tuy nhiên, cô cũng không hạn chế các từ ngữ do trẻ tự sử dụng.

+ Cô chú ý cho trẻ quan sát kỹ và được nói nhiều, các từ ngữ mới nêu được nhắc đi nhắc lại, kết hợp với tri giác với các sự vật hiện tượng.

+ Cần lưu ý cung cấp cả những từ thể hiện tính chất của sự vật: vải mềm, cứng; da dày, mỏng...

**Củng cố kiến thức:* Bằng các bài thơ, câu đố, bài hát. Cần củng cố các kiến thức học được ở các tiết học sau.

b. Cho trẻ xem tranh

Trẻ nhỏ rất thích xem tranh, những tranh đẹp vừa có nội dung vừa phát triển vốn từ vừa có tác dụng giáo dục thẩm mỹ nghệ thuật cho trẻ. Khi miêu tả bức tranh, trẻ tiếp thu những từ mới, đồng thời huy động cả vốn từ cũ nữa.

Khi xem tranh trẻ thường chú ý một cách tản mạn, trẻ chỉ tập trung vào những gì thích thú nhất. Nhiệm vụ của cô giáo hướng dẫn sự quan sát của trẻ đi theo trình tự. Đầu tiên nhìn toàn bộ bức tranh để hiểu bức tranh vẽ gì, sau đó mới quan sát từng chi tiết. Để làm được vậy cô giáo cần phải hiểu nội dung bức tranh.

Có thể dùng các câu hỏi sau :

+ Chúng mình đặt tên cho bức tranh này là gì?

+ Bức tranh vẽ ai, cái gì?

+ Cháu hãy kể một câu chuyện về bức tranh.

c. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ

Đồ chơi là vật dụng gần gũi đối với trẻ. Sử dụng đồ chơi để phát triển vốn từ cũng rất thuận lợi.

Vì vậy phải lựa chọn đồ chơi phù hợp với lứa tuổi. ở lớp bé đồ chơi cần đơn giản, một khối. Trẻ có thể sử dụng các đồ chơi lắp ghép nhiều bộ phận đơn giản.

Có thể sử dụng nhiều đồ chơi khác nhau một lúc. Ban đầu chúng được giấu kín ở trong túi, sau được đưa ra lần lượt cho trẻ xem, sử dụng, trao đổi về nó. Trẻ phải gọi tên chính xác đồ chơi, màu sắc và các bộ phận của nó.

2. Nhóm phương pháp dùng lời

a. Nói chuyện với trẻ

Đây là phương pháp chính hướng dẫn trẻ làm quen với thế giới xung quanh. Các câu hỏi có tác dụng hướng sự chú ý của trẻ tới đối tượng cần nhận thức, dạy trẻ biết quan sát đối tượng một cách tổng thể cũng như quan sát tỉ mỉ các đối tượng, các đặc điểm, tính chất, mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng thiên nhiên. Các câu hỏi cũng đồng thời kích thích trẻ nói, gọi tên hoặc mô tả các đối tượng quan sát. Qua đó, vốn từ của trẻ ngày càng mở rộng hơn. Cần chú ý sao cho câu hỏi đa dạng buộc trẻ trả lời bằng các từ loại khác nhau: hỏi về tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động...

Ví dụ: - Câu hỏi về tên gọi các loại quả, cây cối, con vật: *cây gì đây? con gì đây? Quả gì?*

- Câu hỏi về công dụng của các đồ vật: *Cái này dùng để làm gì?*

- Câu hỏi về tính chất, đặc điểm của các sự vật, hiện tượng: *như thế nào?*

Khi trò chuyện, cô giáo có thể sử dụng nhiều phối hợp một số thủ thuật: nói mẫu, nhắc lại, giảng giải, khen ngợi.

b. Biện pháp sử dụng lời kể của cô giáo: Lời kể của cô giáo dễ gây hứng thú cho trẻ khi cho trẻ quan sát và giúp trẻ tri giác toàn bộ đối tượng, thấy được mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng; điều này làm cho trẻ hiểu đầy đủ ý nghĩa của từ hơn. Lời kể của cô giáo còn tạo ra sự mẫu mực về ngôn ngữ để trẻ nói theo (giọng nói, ngữ điệu, điệu bộ).

c. Cho trẻ kể chuyện là một biện pháp tích cực hoá vốn từ cho trẻ. Khi trẻ tự kể chuyện, trẻ sẽ gọi tên, kể ra các đặc điểm của sự vật hiện tượng trẻ quan sát được, nghe được.

d. Biện pháp quan sát kết hợp với lời giải thích.

Để giải thích cho trẻ hiểu nghĩa của từ trước hết cần lựa chọn từ có nghĩa cụ thể. Có như vậy thì việc sử dụng đồ dùng trực quan kết hợp với lời giải thích mới có hiệu quả.

Ví dụ: Trong bài thơ “*Giữa vòng gió thom*” có thể lựa chọn một số từ có ý nghĩa cụ thể có thể giải thích:

“*Khép rú*” trong câu “*Cánh màn khép rú*”.

“*Phe phẩy*” trong câu “*Phe phẩy quạt nan*”.

“*Rung rinh*” trong câu “*Rung rinh góc màn*”.

Để giải thích được những từ này cô cần phải lựa chọn đồ dùng trực quan phù hợp với từ đó, kết hợp với lời giải thích. Lời giải giảng của cô cần phải ngắn gọn, cô đọng, dễ hiểu và hấp dẫn đối với trẻ.

Ví dụ: Trong bài thơ: “*Giữa vòng gió thom*”

Giải thích từ “*Khép rủ*” trong “*Cánh màn khép rủ*” cô cho trẻ quan sát một bức tranh vẽ một căn nhà nhỏ có một giường, có người nằm bên trong, màn thì vẫn buông xuống, hai cánh màn khép lại. Cô vừa chỉ lại vào bức tranh và dùng lời giải thích cho trẻ hiểu là bà bị ốm nằm trên giường, màn thì buông xuống, cánh màn khép lại, chỉ “*khép rủ*” tác giả muốn nói tới cảnh bà bị ốm, không gian âm đảm và buồn bã.

e. Biện pháp đối chiếu so sánh với những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

Đây là biện pháp nhằm giúp trẻ hiểu sâu nghĩa của từ hoặc làm nổi bật nghĩa của từ.

Khi lựa chọn cách giải thích này cô cần lựa chọn những từ trẻ đã biết phù hợp với khả năng nhận biết của trẻ. Nếu cô dùng những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa mà trẻ chưa biết thì trẻ sẽ không hiểu được nghĩa của từ.

Ví dụ: Để giải nghĩa của từ “*chịu khó*” thì chúng ta có thể dùng từ “*chăm chỉ*”.

f. Biện pháp dùng lời để định nghĩa khái niệm, nêu lên những nét đặc trưng trong nghĩa của từ.

Sử dụng biện pháp này là dựa vào cách miêu tả ngôn ngữ như các từ điển học vẫn được sử dụng trong các từ điển để giải thích. Dùng định nghĩa để giải thích nghĩa của từ, giáo viên có thể cung cấp cho trẻ nghĩa của từ một cách tương đối đầy đủ, thấy được cấu trúc bên trong của từ.

Ví dụ: Để giúp trẻ hiểu được từ “*tiền tuyến*” trong câu thơ “*Chú đi tiền tuyến nửa đêm chú về*” thì giáo viên có thể dùng cách giải thích ngắn gọn nhất là: *nơi có giặc*

f. Biện pháp đặt từ vào ngữ cảnh giao tiếp có thể giúp trẻ hiểu bằng cách đưa từ đó vào những ngữ cảnh cụ thể quen thuộc đối với trẻ. Ngữ cảnh đó có chứa các từ cần giải thích, hay là một tình huống giao tiếp cụ thể.

Trẻ có thể dựa vào vốn từ đã có của mình, dựa vào những kết hợp ngôn ngữ, nhờ hoàn cảnh ngôn ngữ, nhờ những mối liên tưởng nhất định và cũng nhờ mối quan hệ với các từ khác trong câu mà trẻ hiểu nghĩa của từ. Giáo viên không giải thích lòng vòng hay dùng ngay văn cảnh để giải thích.

Ví dụ: *Hôm nay các con chơi có thích không? – Thích ạ.*

3. Phương pháp trò chơi

Ngôn ngữ và tư duy có quan hệ chặt chẽ với hoạt động của con người. Hoạt động chủ đạo là trẻ là hoạt động chơi. Vì vậy trò chơi là một phương pháp phát triển từ rất tốt cho trẻ. Trong khi chơi, trẻ tái tạo những biểu tượng mà trẻ đã tri giác được bằng cách hành động thực tiễn và bằng ngôn ngữ. Mỗi vật có tên riêng, mỗi hành động có một động từ riêng biểu thị. Giáo viên cần tổ chức cho trẻ có điều kiện tăng cường hoạt động ngôn ngữ.

Để củng cố và tích cực hoá vốn từ cho trẻ ta thường dùng các loại trò chơi sau: